

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-PT  
Ngày 25-01 - 2021  
V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Anh Tuấn

*Các Thẩm phán:* Ông Trương Thanh Dũng

Ông Lê Thanh Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Quốc Trung- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Diễm Lệ- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2020/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp đòi quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Ông Mai Hùng D, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Anh Mai Hùng C, sinh năm 1990.

(Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Nguyễn Văn L (đã chết)

*Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn L:*

3.1.1. Anh Nguyễn Văn T (Vắng mặt)

- 3.1.2. Anh Nguyễn Văn Th (Vắng mặt)
- 3.1.3. Chị Nguyễn Thị H (Vắng mặt)
- 3.1.4. Chị Nguyễn Thị Ánh X (Vắng mặt)
- 3.1.5. Chị Nguyễn Thị Ánh L (Vắng mặt)
- 3.1.6. Chị Nguyễn Thị Ánh H (Đào) (Vắng mặt)
- 3.1.7. Chị Nguyễn Thị Út C (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- 3.2. Ông Ngô Đồng Ba, sinh năm 1956 (Có mặt)
- 3.3. Bà Hồng Thị T, sinh năm 1960 (Vắng mặt)
- 3.4. Bà Lý Thị Thủy (Vắng mặt)
- 3.5. Chị Huỳnh Thúy Duy (Vắng mặt)
- 3.6. Anh Mai Hùng Cường, sinh năm 1990 (Vắng mặt)
- 3.7. Chị Lê Thị Ngọc (Vắng mặt)
- 3.8. Anh Ngô Đồng Thái Em (Có mặt)

Cùng Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2019 và lời khai của bà Nguyễn Thị T trình bày: Phần đất bà đang quản lý sử dụng hiện nay có phát sinh tranh chấp có nguồn gốc là của ông Ngô Văn B và ông Lê Văn H cho bà. Phần đất này trước đây bà có tranh chấp với ông Ngô Đồng B và đã được Tòa án nhân dân huyện H và Tòa án tỉnh Bạc Liêu xét xử cho ông Ngô Đồng B thắng, nhưng bà vẫn không từ bỏ, do tuổi già sức yếu nên bà vẫn chưa tiếp tục thừa ông Đồng B nữa. Đến năm 2018 ông Mai Hùng D chiếm dụng phần đất này để xây nhà nuôi chim yến. Vì vậy, nay bà yêu cầu ông Mai Hùng D phải trả cho bà phần đất ngang ngang 15m, dài 27m, diện tích là 405 m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Theo ý kiến của anh Mai Hùng C là đại diện theo ủy quyền của ông Mai Hùng D đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan trong vụ án trình bày: Nguồn gốc phần đất ông D và anh đang xây dựng nhà nuôi chim yến hiện nay bà T đang tranh chấp là của ông Ngô Đồng B, do ông Ngô Đồng B đứng tên giấy chứng nhận QSD đất, giữa cha anh là ông Mai Hùng D hoán đổi đất với nhau, nên ông D nhận một phần đất của ông B để xây dựng nhà nuôi chim yến, còn ông B nhận một phần đất của ông D để làm bến đò đưa khách, việc hoán đổi đất không làm thủ tục kê khai, đăng ký sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất hiện bà T đang tranh chấp với ông D trước đó bà T đã có tranh chấp với ông B và được Tòa án huyện H và Tòa án tỉnh Bạc Liêu giải quyết xong, ông B đã xây

dựng hàng rào phân ranh đất với bà T xong, khi ông B đổi đất cho ông D thì ông D xây dựng nhà nuôi chim yến bên trong hàng rào ranh đất, không có lấn sang phần đất của bà T, khi xây dựng nhà nuôi chim yến bà T cũng xác định ranh cho ông D xây dựng nhà. Nay bà T yêu cầu ông Mai Hùng D giao trả phần đất tranh chấp là không đúng nên ông D không đồng ý giao trả đất theo yêu cầu của bà T.

- Theo ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan ông Ngô Đồng B trình bày: Nguồn gốc đất đang tranh chấp giữa các bên là của ông được cha mẹ ruột là ông Ngô Tấn T và Lê Thị B cho từ trước năm 1977, ông quản lý sử dụng xuyên suốt cho đến khi cho anh C mượn. Trước đó phần đất này đã có tranh chấp giữa ông với bà Nguyễn Thị T đã được tòa án nhân dân huyện H và Tòa án dân tỉnh Bạc Liêu xét xử xong vào năm 2010. Do có nhu cầu kinh doanh nhà yến, nên anh Mai Hùng C con của ông Mai Hùng D có đến mượn ông phần diện tích đất để xây dựng nhà nuôi chim yến, ngược lại thì ông D cho ông mượn bến đò để kinh doanh đưa khách qua sông. Khi anh ông D mượn đất của ông thì giữa hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng chứ không có ai chứng kiến cũng không làm giấy tờ gì cả. Khi ông cho anh C con ông D mượn đất thì bà T biết nhưng không ngăn cản, đến khi anh C xây dựng xong nhà nuôi chim yến thì bà T mới đến tranh chấp. Do vậy, giữa ông và bà T thỏa thuận ông đưa cho bà T số tiền 20.000.000đ bà T xác định ranh đất giữa đất ông và đất bà T để ông xây hàng rào ranh đất, sau khi giao tiền cho bà T xong ông tiến hành xây dựng ranh đất ổn định, việc thỏa thuận này có lập biên bản vào ngày 02/05/2018 có sự chứng kiến của chính quyền địa phương. Tuy nhiên, sau mấy tháng sau bà T tiếp tục lại đến quây phá đòi gia đình anh C phải trả thêm cho bà T tới 40.000.000 đồng thì mới để yên cho kinh doanh nhà yến, nhưng anh C không chịu mới xảy ra tranh chấp. Phần đất ông đổi cho ông D, anh C ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên. Nay bà T yêu cầu ông Mai Hùng D trả phần đất diện tích 405m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu ông không đồng ý, phần đất ông D, anh C đang quản lý sử dụng ông chỉ cho ông D, anh C mượn sử dụng, nên vẫn còn quyền của ông, mặt khác phần đất này đã được Tòa án nhân dân huyện H và Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xử công nhận quyền hợp pháp cho ông, nên bà T không có quyền tranh chấp nữa.

Từ những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đòi ông Mai Hùng D trả phần diện tích 405m<sup>2</sup>, tại thửa số 557, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Ngoài ra, Bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 23/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu kháng nghị, đề nghị cấp phúc thẩm xử hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 09/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu để giải quyết theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu giữ nguyên Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến và đề xuất giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký từ khi thụ lý tới thời điểm này thấy rằng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

+ Cấp sơ thẩm giải quyết vụ án nhưng không đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ để xác định vị trí, diện tích phần đất tranh chấp và tại thời điểm giải quyết người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L đang định cư nước ngoài, nên vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H. Tuy nhiên, ở giai đoạn phúc thẩm đã tiến hành đo đạc, thẩm định phần đất tranh chấp thể hiện không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L, nên những vi phạm về tố tụng của cấp sơ thẩm đã được cấp phúc thẩm khắc phục.

- Về nội dung: Phần đất bà T đang tranh chấp với ông D là một phần trong diện tích đất mà bà T tranh chấp với ông B được giải quyết tại Bản án dân sự phúc thẩm số 146/2010/DSPT ngày 23/12/2010, điều này được bà T xác định trong lời khai và tại biên bản thỏa thuận giữa bà T và ông B lập ngày 02/5/2018. Do đó, cấp sơ thẩm phải căn cứ điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự trả lại đơn khởi kiện cho bà T, hoặc trong thời gian chuẩn bị xét xử thì áp dụng điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết vụ án, nhưng cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận không cầu khởi kiện của bà T là chưa đúng quy định. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện H là có căn cứ cần được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 308, Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DSST ngày 09/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện H và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; sau khi thảo luận, nghị án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đòi ông Mai Hùng D giao trả phần đất lấn chiếm có diện tích 405m<sup>2</sup>, theo bà T xác định năm 2010 giữa bà và ông Ngô Đồng B có phát sinh tranh chấp về ranh đất, do phần đất của bà và phần đất của ông B giáp ranh nhau. Vụ việc đã được Tòa án nhân dân huyện H và Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đều xử bác yêu cầu khởi kiện của bà. Hiện nay ông Mai Hùng D đến phần đất trước đây bà tranh chấp với ông B để xây dựng nhà nuôi chim yến, nên bà yêu cầu ông D giao trả phần đất lấn chiếm cho bà. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà B và ông D là tranh chấp quyền sử dụng đất.

[2] Theo biên bản đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ lập ngày 30/12/2020 và bảng vẽ trích đo địa chính do Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện H, tỉnh Bạc Liêu lập ngày 14/01/2021 thể hiện phần đất tranh chấp có vị trí, số đo các cạnh như sau:

Cạnh hướng Đông giáp phần đất còn lại của ông B và ông Lâm V có số đo là 15m

Cạnh hướng Tây giáp phần đất trồng lúa của bà T có số đo là 15m

Cạnh hướng Nam giáp phần đất còn lại của ông B có số đo là 27m

Cạnh hướng Bắc giáp phần đất còn lại của bà T có số đo là 27m

Diện tích: 405m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 213, tờ bản đồ số 02, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Ngô Đồng B đứng tên.

[3] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn L là chồng bà Nguyễn Thị T được UBND huyện V (nay là huyện H) cấp ngày 15/5/1998 thể hiện, hộ ông Nguyễn Văn L được cấp phần đất diện tích 6.108m<sup>2</sup>, tại các thửa 199 diện tích 3.524m<sup>2</sup>, thửa 202 diện tích 2.000m<sup>2</sup>, thửa 207-1 diện tích 300m<sup>2</sup> đất ở, thửa 207-2 diện tích 284m<sup>2</sup> đất vườn, cùng tờ bản đồ số 02. Qua kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/12/2020 và Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện H xác định phần đất bà T đang tranh chấp với ông D, diện tích 405m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 213, tờ bản đồ số 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Ngô Đồng B đứng tên.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[4.1] Xét kháng nghị về việc cấp sơ thẩm giải quyết vụ án không đúng thẩm quyền do ông Nguyễn Văn L đã chết, con của ông L là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L đang ở nước ngoài, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử xét thấy, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn L là chồng của bà Nguyễn Thị T, trong hộ của ông Nguyễn Văn L có con là chị Nguyễn Thị Ánh X đang định cư tại Hàn Quốc. Tuy nhiên, việc giải quyết tranh chấp phần đất giáp ranh đất và chị X là người định cư ở nước ngoài, không phải là người trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất hiện đang tranh chấp với ranh đất của ông Ngô Đồng B, nên không cần thiết phải đưa chị X vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận kháng nghị này của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[4.2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát về việc cấp sơ thẩm xét xử vụ án tranh chấp quyền sử dụng khi chưa tiến hành đo đạc phần đất tranh chấp. Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản lập ngày 16/01/2020 thể hiện các đương sự không hợp tác, không cho đo đạc, xem xét, thẩm định phần đất tranh chấp, nên cấp sơ thẩm không tiến hành đo đạc, thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp được, nên cấp sơ thẩm căn cứ các tài liệu, chứng cứ khác để xem xét giải quyết vụ án là đúng quy định. Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, chỉ có

Viện kiểm sát kháng nghị, trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, cấp phúc thẩm đã tiến hành đo đạc, khảo sát xem xét thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp, xác định vị trí phần đất tranh chấp có cạnh hướng Bắc có số đo 27m giáp phần đất vườn và cạnh hướng Tây có số đo 15m giáp với phần đất trồng lúa của bà T. Theo Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện H xác định, phần đất tranh chấp diện tích 405m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 213, tờ bản đồ số 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Ngô Đồng B đứng tên và theo biên bản thỏa thuận lập ngày 02/5/2018 bà T đồng ý nhận của ông B số tiền 20.000.000đ để xác định ranh đất cho ông B xây dựng hàng rào ranh đất. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ lập ngày 30/12/2020 thể hiện ông D xây dựng một căn nhà để nuôi chim yến nằm phía trong hàng rào được xây dựng năm 2018, không lấn chiếm qua phần đất của bà T. Do đó, cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đòi ông D giao trả phần đất diện tích 405m<sup>2</sup> là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[4.3] Đối với kháng nghị cho rằng phần đất diện tích 405m<sup>2</sup> bà T kiện đòi ông D giao trả đã được xem xét giải quyết bằng bản án số 146/2010/DSPT ngày 23/12/2010 đang có hiệu lực pháp luật, nên bà T không được quyền khởi kiện, lẽ ra cấp sơ thẩm phải căn cứ điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trả lại đơn khởi kiện cho bà T, nhưng Tòa án huyện H thụ lý, xét xử là chưa đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy;

- Theo biên bản đo đạc, khảo sát lập ngày 26/8/2010 thể hiện phần đất bà T kiện đòi ông B giao trả diện tích 781,75m<sup>2</sup> có vị trí như sau:

Cạnh hướng Đông giáp phần đất còn lại của ông B có số đo là 35m

Cạnh hướng Tây giáp phần đất của bà T và ông Th có số đo là 24m

Cạnh hướng Nam giáp phần đất còn lại của bà T có số đo là 26,5m

Cạnh hướng Bắc giáp phần đất của ông Võ Văn Th có số đo là 26,5m

- Theo biên bản đo đạc, khảo sát lập ngày 30/12/2020 thể hiện phần đất bà T kiện đòi ông D giao trả diện tích 405m<sup>2</sup>, có vị trí như sau:

Cạnh hướng Đông giáp phần đất còn lại của ông B và ông Lâm V có số đo là 15m

Cạnh hướng Tây giáp phần đất trồng lúa của bà T có số đo là 15m

Cạnh hướng Nam giáp phần đất còn lại của ông B có số đo là 27m

Cạnh hướng Bắc giáp phần đất còn lại của bà T có số đo là 27m.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông B xác định phần đất bà T hiện đang tranh chấp với ông D đã được giải quyết năm 2010, chứng cứ ông B cung cấp chứng minh cho lời trình bày của mình là Bản án dân sự phúc thẩm số 146/2010/DSPT ngày 23/12/2010 và biên bản thỏa thuận lập ngày 02/5/2018, còn bà T xác định phần đất bà đang kiện đòi ông D là phần đất ông D đang xây nhà nuôi chim yến. Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/8/2010 để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà T đòi ông B trả phần đất diện tích 781,75m<sup>2</sup> và biên bản xem xét, thẩm định ngày 30/12/2020 để giải quyết yêu cầu của bà T đòi

ông D giao trả phần đất diện tích 405m<sup>2</sup> không thể hiện hai phần đất tranh chấp là một, vì cơ quan chuyên môn chỉ xác định phần đất tranh chấp năm 2010 và phần đất tranh chấp hiện nay đều thuộc một phần thửa 213, tờ bản đồ số 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Ngô Đồng B, trong khi thửa 213 ông Ngô Đồng B được cấp diện tích 2.557,0 m<sup>2</sup>. Do đó, không có căn cứ xác định hai phần đất tranh chấp là một và sự việc tranh chấp đã được giải quyết bằng Bản án đã có hiệu lực pháp luật, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 308, Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DSST ngày 09/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện H và đình chỉ việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, như đã phân tích thì đề nghị của Kiểm sát viên chưa phù hợp, nên không được chấp nhận.

[6] Các phần quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DSST ngày 09/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.337.140đ (một triệu, ba trăm ba mươi bảy ngàn, một trăm bốn mươi đồng) bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoản 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đòi ông Mai Hùng D giao trả phần đất diện tích 405m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 213, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, phần đất có vị trí, số đo các cạnh như sau:

Cạnh hướng Đông giáp phần đất còn lại của ông B và ông Lâm V có số đo là 15m

Cạnh hướng Tây giáp phần đất trồng lúa của bà T có số đo là 15m

Cạnh hướng Nam giáp phần đất còn lại của ông B có số đo là 27m

Cạnh hướng Bắc giáp phần đất còn lại của bà T có số đo là 27m

Mảnh trích đo địa chính do Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày 14/01/2021 được kèm theo bản án và là bộ phận không tách rời của bản án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ, Dương Chí H đã nộp tạm ứng án phí thay cho bà Nguyễn Thị T số tiền 300.000đ, theo biên lai thu số 0005668 ngày 17/7/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí.

2.2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.337.140đ (một triệu, ba trăm ba mươi bảy ngàn, một trăm bốn mươi đồng) bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ, bà Nguyễn Thị T đã nộp xong.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Bùi Anh Tuấn**